

Số: 232/2026/QĐST-DS

Vinh Long, ngày 25 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 326/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Mai Thị Ngọc A, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khóm V, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc A: Ông Đồng Văn H, Luật sư Văn phòng T2; Địa chỉ: số A Đ, khóm A, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị S, sinh năm 1943; Địa chỉ: số H đường L, khóm D, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị S: Bà Phạm Thị Thiên P, sinh năm 1985 Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T3 tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ: Đ: số D đường L, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Dương Thị Yến N, sinh năm 1995.

2. Chị Dương Quý N1, sinh năm 2003.

Cùng địa chỉ: Khóm V, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Quý N1: Bà Mai Thị Ngọc A, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khóm V, phường L, tỉnh Vĩnh Long theo văn bản ủy quyền ngày 12/5/2026.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Mai Thị Ngọc A là nguyên đơn và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Quý N1; bị đơn bà Trần Thị S và người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị Yến N tự nguyện thỏa thuận thống nhất nội dung như sau:

- Bà Mai Thị Ngọc A, bà Trần Thị S, chị Dương Quý N1, chị Dương Thị Yến N tự nguyện thống nhất xác định nhà, đất thuộc thửa số 284, diện tích 50m², loại đất ở tại nông thôn và thửa đất số 285, diện tích 221,4m², loại đất trồng cây lâu năm, cùng tờ bản đồ số 9, cùng tọa lạc tại Khóm V, phường L, tỉnh Vĩnh Long là tài sản chung của ông Dương Xuân T và bà Mai Thị Ngọc A có tổng giá trị là 923.500.416 đồng (*Chín trăm hai mươi ba triệu năm trăm nghìn bốn trăm mười sáu đồng*). Ông Dương Xuân T và bà Mai Thị Ngọc A mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản chung bằng 461.750.208 đồng (*Bốn trăm sáu mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn hai trăm linh tám đồng*).

- Bà Mai Thị Ngọc A, bà Trần Thị S, chị Dương Quý N1, chị Dương Thị Yến N tự nguyện thống nhất xác định khối di sản thừa kế của ông Dương Xuân T đối với nhà, đất thuộc thửa số 284, diện tích 50m², loại đất ở tại nông thôn và thửa đất số 285, diện tích 221,4m², loại đất trồng cây lâu năm, cùng tờ bản đồ số 9, cùng tọa lạc tại Khóm V, phường L, tỉnh Vĩnh Long là 461.750.208 đồng (*Bốn trăm sáu mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn hai trăm linh tám đồng*). Bà Mai Thị Ngọc A, chị Dương Quý N1, chị Dương Thị Yến N được hưởng suất thừa kế của ông Dương Xuân T mỗi người là 103.916.736 đồng (*Một trăm linh ba triệu chín trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng*), chị Dương Quý N1, chị Dương Thị Yến N đồng ý giao suất thừa kế cho bà Mai Thị Ngọc A được hưởng và không yêu cầu bà Mai Thị Ngọc A hoàn lại giá trị suất thừa kế. Bà Trần Thị S được hưởng suất thừa kế của ông Dương Xuân T là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

- Bà Mai Thị Ngọc A, bà Trần Thị S, chị Dương Quý N1, chị Dương Thị Yến N tự nguyện thống nhất giao cho bà Mai Thị Ngọc A được quyền quản lý, sử dụng nhà, đất thuộc thửa đất số 284, diện tích 50m², loại đất ở tại nông thôn và thửa đất số 285, diện tích 221,4m², loại đất trồng cây lâu năm, cùng tờ bản đồ số 9, cùng tọa lạc tại Khóm V, phường L, tỉnh Vĩnh Long. Cụ thể như sau:

Thửa số 284, có tứ cận như sau:

- + Hướng Bắc: Giáp thửa số 69, có số đo 10m.
- + Hướng N2: Giáp thửa số 285, có số đo 10m.
- + Hướng Đ: Giáp thửa số 285, có số đo 5,0m.
- + Hướng Tây: Giáp thửa số 285 có số đo 5,0m.

Thửa số 285, có tứ cận như sau:

- + Hướng Bắc: Giáp thửa số 69, có số đo 2,00m, 10,0m và 29,30m.
- + Hướng N2: Giáp thửa số 223, có số đo 24,63m, 2,50m và 16,70m.
- + Hướng Đ: Giáp thửa số 228, có số đo 8,30m.

+ Hướng T1: Giáp đường 30/4. Nhựa, có số đo 5,51m.

Theo sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 1966/CNKV10 ngày 30/7/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ1.

- Bà Mai Thị Ngọc A có nghĩa vụ thanh toán giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với suất thừa kế của bà Trần Thị S được hưởng số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Về phương thức trả và thời hạn trả tiền: Do cơ quan thi hành án thi hành theo Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền còn phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về chi phí tố tụng: Bà Mai Thị Ngọc A tự nguyện chịu toàn bộ 3.981.787 đồng (*Ba triệu chín trăm tám mươi một nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng*) tiền chi phí tố tụng nhưng được trừ vào 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp nên bà Mai Thị Ngọc A đã nộp xong. Bà Mai Thị Ngọc A được nhận lại 6.018.213 đồng (*Sáu triệu không trăm mười tám nghìn hai trăm mười ba đồng*) tại Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Thị Ngọc A tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 17.470.008 đồng (*Mười bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn không trăm linh tám đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007952 ngày 24/4/2026 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu. Hoàn trả cho bà Mai Thị Ngọc A tiền chênh lệch là 6.529.992 đồng (*Sáu triệu năm trăm hai mươi chín nghìn chín trăm chín mươi hai đồng*) tiền tạm ứng án phí còn thừa. Bà Trần Thị S tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi đồng*) nhưng bà Trần Thị S là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên bà Trần Thị S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 10 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mộng Tiên